TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 – VĨNH LONG** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – hạnh phúc**

Bản án số: 14/2026/DS-ST
Ngày: 04 - 02 - 2026
V/v Tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Kiên Ngọc Trương

2. Bà Thạch Thị Mỹ Kim

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Đặng Văn Giữ, cán bộ Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phúc Đức - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 02 năm 2026, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Vĩnh Long, tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 433/2025/TLST-DS, ngày 05 tháng 11 năm 2025, về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2026/QĐXXST-DS, ngày 28 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị B, sinh ngày 02/5/1971, CCCD số: 084171008253, địa chỉ: Ấp D, xã Châu Thành, tỉnh Vĩnh Long. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn*:

1/- Ông Lê Thanh C, sinh ngày 01/01/1969, CCCD số 084069000711, địa chỉ: Ấp M, xã Châu Thành, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của ông C là bà Hồ Dịu H, sinh năm 1997, CCCD số: 096197001527, địa chỉ: Ấp G, xã Châu Thành, tỉnh Vĩnh Long, theo văn bản ủy quyền ngày 11/12/2025. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2/- Bà Nguyễn Ngọc A (Nguyễn Thị A), sinh ngày 01/01/1976, CCCD số: 084176000896, địa chỉ: Ấp G, xã Châu Thành, tỉnh Vĩnh Long. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày: Tôi là người tham gia góp hụi trong thời gian dài nhiều năm cho ông Lê Thanh C và vợ là bà Nguyễn Thị A (Nguyễn Ngọc A) làm chủ hụi. Trong thời gian góp hụi tôi luôn thực hiện đúng nghĩa vụ góp hụi đầy đủ, đúng hạn. Vào ngày 25/7/2019, ông C, bà A mở dây hụi vụ 5.000.000 đồng/vụ, tôi tham gia một phần và đóng được 14 kỳ. Đếnnăm 2023, bà A và ông C tuyên bố vỡ hụi nhưng không trả lại số tiền hụi tôi đã đóng. Nay hụi đã mãn nên tôi yêu cầu ông C, bà A trả cho tôi số tiền hụi đã nợ là 5.000.000 đồng/kỳ x 14 kỳ = 70.000.000 đồng.

- Bị đơn Lê Thanh C và bà Nguyễn Ngọc A vắng mặt nhưng có lời khai thể hiện: Vào ngày 25/7/2019 chúng tôi có là đầu thảo có mở dây hụi vụ lúa 5.000.000 đồng, tham gia 17 hụi viên, 04 tháng đóng một lần, mỗi lần 2.500.000 đồng của mỗi thành viên tham gia. Chị Nguyễn Thị B tham gia một phần. Đến khoảng tháng 3/2023 là bể hụi nên chị B đã đóng vốn là 35.000.000 đồng, còn phần còn lại 35.000.000 đồng. Nay chúng tôi đồng ý trả cho chị Nguyễn Thị B số tiền hụi 35.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu ông Lê Thanh C, bà Nguyễn Ngọc A trả cho bà B số tiền hụi còn nợ là 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Ngọc A vắng mặt nên không có lời trình bày. Bà Hồ Dịu H là người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Lê Thanh C có đơn xin xét xử vắng mặt với nội dung vẫn giữ nguyên ý kiến của ông C là đồng ý trả cho bà B số tiền

hụi mà bà B đã đóng là 35.000.000 (ba mươi lăm triệu) đồng.

Các đương sự cũng không thỏa thuận được gì với nhau về việc giải quyết vụ án và cũng không đương sự nào cung cấp bổ sung tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu của mình.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Vĩnh Long:

Đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về: thẩm quyền thụ lý, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa hôm nay đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý đến thời điểm này, nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với việc giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận một phần. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 92; Điều 147; Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 357, 471 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B. Buộc bị đơn bà Nguyễn Ngọc A và ông Lê Thanh C trả cho bà B số tiền hụi còn nợ là 35.000.000 (ba mươi lăm triệu) đồng. Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được chấp nhận. Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật của vụ án:

"Tranh chấp hợp đồng góp hụi" căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Vĩnh Long.

[2] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị B và bà Hồ Dịu H là người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Lê Thanh C có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà Nguyễn Ngọc A mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự này theo Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Bà Nguyễn Thị B có tham gia góp hụi với vợ chồng ông Lê Thanh C và bà Nguyễn Ngọc A vào ngày 25/7/2019, loại hụi 5.000.000 đồng/ vụ và đã đóng được 14 kỳ là có thật đã được bà B, ông C và bà A thừa nhận là đúng. Đến năm 2023, ông C và bà A tuyên bố bể hụi nên bà B yêu cầu bà A và ông C thanh toán số tiền nợ hụi cho bà B là 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng.

Ông C và bà A thừa nhận có nhận tiền hụi của bà B với tổng số tiền là 35.000.000 (ba mươi lăm triệu) đồng nên ông C và bà A chỉ đồng ý trả cho bà B số tiền bà B đã đóng là 35.000.000 (ba mươi lăm triệu) đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà B là có căn cứ để chấp nhận. Bởi lẽ, việc tham gia hụi loại hụi 5.000.000 đồng/vụ là do sự tự nguyện của các bên với số tiền kêu hụi ấn định mỗi kỳ là 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng. Mặc dù bà B đã đóng được: 2.500.000đ/kỳ x 14 kỳ = 35.000.000 đồng nhưng việc hoàn trả tiền hụi phải được tính bằng loại hụi đã tham gia là 5.000.000 đồng/vụ x 14 kỳ =

70.000.000 đồng. Do đó, cần phải xác định số tiền hụi tính theo loại hụi và số kỳ mà bà B đã đóng để chủ hụi là ông C, bà A hoàn trả cho hụi viên là bà B.

Đối với số tiền hụi phải hoàn trả cho hụi viên:

Khi tham gia hụi, chủ hụi và các hụi viên cũng có thỏa thuận số tiền chủ hụi (đầu thảo) được hưởng khi giao hụi là 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng nên cần cấn trừ số tiền này vào tổng số tiền hụi mà ông C, bà A phải trả cho bà B.

Như vậy, tổng số tiền nợ hụi mà ông Lê Thanh C và bà Nguyễn Ngọc A phải trả cho bà Nguyễn Thị B là 70.000.000 đồng – 2.500.000 đồng = 67.500.000 đồng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ để chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B yêu cầu buộc bị đơn ông Lê Thanh C và bà Nguyễn Ngọc A trả cho bà B số tiền hụi cònnợ là 67.500.000 (sáu mươi bảy triệu năm trăm nghìn) đồng. Đề nghị của vị kiểm sát viên là không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về án phí: Ông Lê Thanh C và bà Nguyễn Ngọc A phải nộp án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn trả số tiền án phí cho bà Nguyễn Thị B.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 91; 92; 143; 144; 147; 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 471 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B.

Buộc bị đơn ông Lê Thanh C và bà Nguyễn Ngọc A (Nguyễn Thị A) phải trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc B số tiền hụi nợ là 67.500.000 (sáu mươi bảy triệu năm trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

* Về án phí Dân sự sơ thẩm: Buộc ông Lê Thanh C và bà Nguyễn Ngọc A (Nguyễn Thị A) phải nộp 3.375.000 (ba triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 10 – Vĩnh Long (Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo đương sự có mặt tại phiên tòa biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú để Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TVL;
- VKSND KV10-VL;
- Phòng THADS KV10-VL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Bích Chi